

Số: 152/QĐ-THCSHDUONG

Hải Đường, ngày 20 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung, điều chỉnh dự toán NSNN năm 2024
Kinh phí thực hiện chuyển xếp lương giáo viên (đợt 2) của trường THCS Hải Đường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS HẢI ĐƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 866/QĐ-PGDĐT của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hải Hậu ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán NSNN năm 2024 kinh phí thực hiện chuyển xếp lương giáo viên cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2024 (đợt 2) của trường THCS Hải Đường

Xét đề nghị của của bộ phận kế toán trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung, điều chỉnh dự toán NSNN năm 2024 kinh phí thực hiện chuyển xếp lương giáo viên (đợt 2) của trường THCS Hải Đường. (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng và bộ phận tài chính các tổ liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các tổ có liên quan
- Lưu :VT, ...



Nguyễn Xuân Diễn

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS Hải Đường

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 152/2024/QĐ-THCSHĐUONG ngày 20/12/2024 của trường THCS Hải Đường)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16 762 000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16 762 000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán NSNN năm 2024 kinh phí thực hiện chuyển xếp lương giáo viên cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2024(đợt 2) theo Quyết định số 866/2024/QĐ-PGDĐT ngày 19/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hải Hậu)	16 762 000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Hải Đường, ngày 20 tháng 12 năm 2024

KẾ TOÁN

Trần Thị Lụa

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Diễn

Số: 866/QĐ-PGDĐT

Hải Hậu, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán NSNN năm 2024
kinh phí thực hiện chuyển xếp lương giáo viên
cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2024 (đợt 2)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HẢI HẬU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Hải Hậu ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu;

Căn cứ Quyết định số 8728, 8729/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Hải Hậu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước và Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn huyện Hải Hậu;

Căn cứ Quyết định số 8883/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 của UBND huyện Hải Hậu về việc bổ sung dự toán năm 2024 Kinh phí thực hiện chế độ chuyển xếp lương giáo viên năm 2024 (đợt 1); Quyết định số 9799/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND huyện Hải Hậu về việc bổ sung dự toán năm 2024 Kinh phí thực hiện chế độ chuyển xếp lương giáo viên năm 2024 (đợt 2);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 kinh phí thực hiện chuyển xếp lương giáo viên các trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2024 (đợt 2), số tiền: 437.213.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm mười ba ngàn đồng).

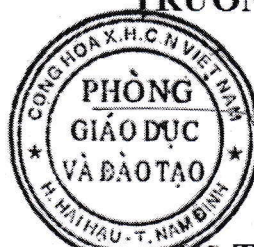
(Danh sách chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 được bổ sung, thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT; TC.

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Thế Hưng

UBND HUYỆN HẢI HẬU
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024 KINH PHÍ CHUYỂN XẾP LƯƠNG GIÁO VIÊN CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS TRONG HUYỆN (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 866/QĐ-PGDĐT ngày 19/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

Đvt : đồng

S TT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khoản	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chuyển xếp năm 2024	Số đã cấp đợt 1 tại Quyết định 755/QĐ-PGDĐT ngày 13/11/2024	Số bổ sung, điều chỉnh (đợt 2)
	TỔNG CỘNG			4.173.238.000	3.736.025.000	437.213.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ được bổ sung sau ngày 30/9 (Mã nguồn 15)			4.173.238.000	3.736.025.000	437.213.000
1	MN Hải An	1129464	622-071	0	0	0
2	MN Hải Anh	1129463	622-071	0	0	0
3	MN Hải Bắc	1129462	622-071	0	0	0
4	MN TT Cồn	1129461	622-071	37.910.000	43.123.000	-5.213.000
5	MN Hải Cường	1129460	622-071	12.031.000	9.959.000	2.072.000
6	MN Hải Châu	1129459	622-071	0	0	0
7	MN Hải Chính	1129458	622-071	0	0	0
8	MN Hải Đông	1129457	622-071	0	0	0
9	MN Hải Đường	1129456	622-071	16.073.000	14.015.000	2.058.000
10	MN Hải Giang	1129455	622-071	0	0	0
11	MN Hải Hà	1129454	622-071	0	0	0
12	MN Hải Hoà	1129453	622-071	0	0	0
13	MN Hải Hưng	1129452	622-071	41.464.000	41.464.000	0
14	MN Hải Long	1129451	622-071	17.014.000	14.358.000	2.656.000
15	MN Hải Lộc	1129450	622-071	20.073.000	20.073.000	0
16	MN Hải Lý	1129449	622-071	28.453.000	25.386.000	3.067.000

S TT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khoản	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chuyển xếp năm 2024	Số đã cấp đợt 1 tại Quyết định 755/QĐ-PGDĐT ngày 13/11/2024	Số bổ sung, điều chỉnh (đợt 2)
17	MN Hải Nam	1129447	622-071	0	0	0
18	MN Hải Ninh	1129446	622-071	0	0	0
19	MN Hải Minh	1129448	622-071	0	0	0
20	MN Hải Phong	1129445	622-071	34.132.000	31.136.000	2.996.000
21	MN Hải Phúc	1129443	622-071	0	0	0
22	MN Hải Phú	1129444	622-071	0	0	0
23	MN Hải Phương	1129442	622-071	28.276.000	25.420.000	2.856.000
24	MN Hải Quang	1129441	622-071	0	0	0
25	MN Hải Sơn	1129440	622-071	0	0	0
26	MN Hải Tân	1129439	622-071	0	0	0
27	MN Hải Tây	1129438	622-071	3.350.000	3.130.000	220.000
28	MN Hải Thanh	1129436	622-071	0	0	0
29	MN Thịnh Long	1129435	622-071	0	0	0
30	MN Hải Trung	1129434	622-071	0	0	0
31	MN Hải Triều	1129433	622-071	0	0	0
32	MN Hải Vân	1129432	622-071	0	0	0
33	MN Hải Xuân	1129431	622-071	15.240.000	12.615.000	2.625.000
34	MN Yên Định	1129430	622-071	18.147.000	16.295.000	1.852.000
	Cộng Mầm non			272.163.000	256.974.000	15.189.000
1	Tiểu học Hải An	1107981	622-072	114.665.000	95.069.000	19.596.000
2	Tiểu học Hải Anh	1107982	622-072	177.809.000	179.275.000	-1.466.000
3	Tiểu học Hải Bắc	1107985	622-072	48.391.000	40.798.000	7.593.000
4	Tiểu học TT Côn	1102673	622-072	136.172.000	109.090.000	27.082.000
5	Tiểu học Hải Cường	1107986	622-072	43.539.000	37.924.000	5.615.000
6	Tiểu học Hải Châu	1107987	622-072	34.056.000	22.720.000	11.336.000
7	Tiểu học Hải Chính	1107988	622-072	109.110.000	87.249.000	21.861.000
8	Tiểu học Hải Đông	1102686	622-072	143.239.000	126.240.000	16.999.000
9	Tiểu học Hải Đường	1107989	622-072	188.868.000	184.789.000	4.079.000

S TT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khoản	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chuyển xếp năm 2024	Số đã cấp đợt 1 tại Quyết định 755/QĐ-PGDĐT ngày 13/11/2024	Số bổ sung, điều chỉnh (đợt 2)
10	Tiểu học Hải Giang	1107991	622-072	0	0	0
11	Tiểu học Hải Hà	1107992	622-072	23.567.000	19.629.000	3.938.000
12	Tiểu học Hải Hoà	1102688	622-072	111.646.000	104.952.000	6.694.000
13	Tiểu học Hải Hưng	1102690	622-072	91.000.000	76.164.000	14.836.000
14	Tiểu học Hải Long	1107993	622-072	80.789.000	67.918.000	12.871.000
15	Tiểu học Hải Lộc	1107994	622-072	31.614.000	10.122.000	21.492.000
16	Tiểu học Hải Lý	1102691	622-072	71.761.000	59.696.000	12.065.000
17	Tiểu học Hải Nam	1103983	622-072	0	0	0
18	Tiểu học Hải Ninh	1107996	622-072	0	0	0
19	Tiểu học Hải Minh	1107995	622-072	321.980.000	288.802.000	33.178.000
20	Tiểu học Hải Phong	1107997	622-072	0	0	0
21	Tiểu học Hải Phúc	1107998	622-072	21.391.000	18.860.000	2.531.000
22	Tiểu học Hải Phú	1102677	622-072	92.253.000	79.222.000	13.031.000
23	Tiểu học Hải Phương	1102678	622-072	58.355.000	56.590.000	1.765.000
24	Tiểu học Hải Quang	1107999	622-072	60.148.000	56.768.000	3.380.000
25	Tiểu học Hải Sơn	1108000	622-072	46.776.000	39.014.000	7.762.000
26	Tiểu học Hải Tân	1108001	622-072	48.655.000	38.789.000	9.866.000
27	Tiểu học Hải Tây	1108003	622-072	63.037.000	52.490.000	10.547.000
28	Tiểu học Hải Thanh	1108005	622-072	24.044.000	20.420.000	3.624.000
29	Tiểu học Thịnh Long	1102679	622-072	258.108.000	237.577.000	20.531.000
30	Tiểu học Hải Trung	1102681	622-072	0	0	0
31	Tiểu học Hải Triều	1108008	622-072	15.813.000	14.820.000	993.000
32	Tiểu học Hải Vân	1102684	622-072	91.102.000	78.870.000	12.232.000
33	Tiểu học Hải Xuân	1102685	622-072	43.089.000	39.720.000	3.369.000
34	Tiểu học Yên Định	1108009	622-072	33.596.000	72.103.000	-38.507.000
	Cộng Tiểu học			2.584.573.000	2.315.680.000	268.893.000
1	THCS Hải An	1004331	622-073	19.813.000	17.178.000	2.635.000
2	THCS Hải Anh	1004332	622-073	101.834.000	84.365.000	17.469.000

S TT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khoản	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chuyển xếp năm 2024	Số đã cấp đợt 1 tại Quyết định 755/QĐ-PGDĐT ngày 13/11/2024	Số bổ sung, điều chỉnh (đợt 2)
3	THCS Hải Bắc	1004452	622-073	6.583.000	5.565.000	1.018.000
4	THCS TT còn	1001415	622-073	6.987.000	6.359.000	628.000
5	THCS Hải Cường	1001416	622-073	0	0	0
6	THCS Hải Châu	1004621	622-073	3.705.000	3.099.000	606.000
7	THCS Hải Chính	1004622	622-073	1.518.000	1.257.000	261.000
8	THCS Hải Đông	1004623	622-073	0	0	0
9	THCS Hải Đường	1001418	622-073	61.445.000	44.683.000	16.762.000
10	THCS Hải Giang	1001420	622-073	37.646.000	31.458.000	6.188.000
11	THCS Hải Hà	1004725	622-073	0	0	0
12	THCS Hải Hòa	1001432	622-073	47.808.000	42.741.000	5.067.000
13	THCS Hải Hưng	1001433	622-073	47.718.000	39.553.000	8.165.000
14	THCS Hải Long	1001434	622-073	40.202.000	31.609.000	8.593.000
15	THCS Hải Lộc	1001435	622-073	17.553.000	9.884.000	7.669.000
16	THCS Hải Lý	1001436	622-073	56.096.000	60.270.000	-4.174.000
17	THCS Hải Nam	1001427	622-073	3.892.000	3.250.000	642.000
18	THCS Hải Ninh	1010122	622-073	40.136.000	38.764.000	1.372.000
19	THCS Hải Minh	1010092	622-073	79.847.000	85.670.000	-5.823.000
20	THCS Hải Phong	1010085	622-073	298.000	1.832.000	-1.534.000
21	THCS Hải Phúc	1010086	622-073	49.352.000	40.850.000	8.502.000
22	THCS Hải Phú	1010087	622-073	42.941.000	36.237.000	6.704.000
23	THCS Hải Phương	1002589	622-073	107.080.000	89.209.000	17.871.000
24	THCS Hải Quang	1010088	622-073	40.833.000	35.076.000	5.757.000
25	THCS Hải Sơn	1010125	622-073	77.303.000	65.322.000	11.981.000
26	THCS Hải Tân	1080195	622-073	0	0	0
27	THCS Hải Tây	1079949	622-073	0	0	0
28	THCS Hải Thanh	1080051	622-073	22.095.000	19.161.000	2.934.000
29	THCS Thịnh Long	1010095	622-073	86.643.000	77.581.000	9.062.000

S TT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khoản	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chuyển xếp năm 2024	Số đã cấp đợt 1 tại Quyết định 755/QĐ-PGDĐT ngày 13/11/2024	Số bổ sung, điều chỉnh (đợt 2)
30	THCS Hải Trung	1010096	622-073	21.650.000	17.125.000	4.525.000
31	THCS Hải Triều	1002486	622-073	102.880.000	87.945.000	14.935.000
32	THCS Hải Vân	1001858	622-073	17.391.000	31.561.000	-14.170.000
33	THCS Hải Xuân	1002592	622-073	34.627.000	28.914.000	5.713.000
34	THCS Yên Định	1002593	622-073	49.395.000	49.395.000	0
35	THCS Hải Hậu	1002487	622-073	91.231.000	77.458.000	13.773.000
	Cộng THCS			1.316.502.000	1.163.371.000	153.131.000

Ghi chú:

- Nhu cầu kinh phí thực hiện chuyển xếp lương cho giáo viên các trường Mầm non, Tiểu học, THCS tại quyết định này được xác định theo mức lương 1.490.000 đồng và chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng. (Phần chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.800.000 đồng lên 2.340.000 đồng các đơn vị đã được cấp bổ sung tại các quyết định số 733/QĐ-PGDĐT ngày 05/11/2024 và Quyết định số 794/QĐ-PGDĐT ngày 25/11/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.)

S TT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khoản	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chuyển xếp năm 2024	Số đã cấp đợt 1 tại Quyết định 755/QĐ-PGDĐT ngày 13/11/2024	Số bổ sung, điều chỉnh (đợt 2)
30	THCS Hải Trung	1010096	622-073	21.650.000	17.125.000	4.525.000
31	THCS Hải Triều	1002486	622-073	102.880.000	87.945.000	14.935.000
32	THCS Hải Vân	1001858	622-073	17.391.000	31.561.000	-14.170.000
33	THCS Hải Xuân	1002592	622-073	34.627.000	28.914.000	5.713.000
34	THCS Yên Định	1002593	622-073	49.395.000	49.395.000	0
35	THCS Hải Hậu	1002487	622-073	91.231.000	77.458.000	13.773.000
	Cộng THCS			1.316.502.000	1.163.371.000	153.131.000

Ghi chú:

- Nhu cầu kinh phí thực hiện chuyển xếp lương cho giáo viên các trường Mầm non, Tiểu học, THCS tại quyết định này được xác định theo mức lương 1.490.000 đồng và chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng. (Phân chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.800.000 đồng lên 2.340.000 đồng các đơn vị đã được cấp bổ sung tại các quyết định số 733/QĐ-PGDĐT ngày 05/11/2024 và Quyết định số 794/QĐ-PGDĐT ngày 25/11/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.)